

NAATI CCL Vietnamese Vocabulary List

124 Australian terms that come up in CCL dialogues · how to render each in Vietnamese Tiếng Việt · where candidates lose marks

Free from **naaticcl.com** — practise full Vietnamese CCL dialogues read at exam speed and get line-by-line AI marking; your first full dialogue is marked free: naaticcl.com/practice. Online version with explanations of every term: naaticcl.com/naati-ccl/vietnamese/vocabulary.

Health · 24

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Medicare	Giữ nguyên từ tiếng Anh 'Medicare' vì đây là tên riêng của hệ thống, không dịch thành 'bảo hiểm y tế' chung.	Nhiều người dịch thành 'bảo hiểm y tế' hoặc 'bảo hiểm sức khỏe' như một khái niệm chung, làm mất đi việc đây là một chương trình cụ thể của chính phủ Úc, khác với bảo hiểm tư nhân.
Mental health care plan	Dịch là 'kế hoạch chăm sóc sức khỏe tâm thần' hoặc có thể giữ thêm '(Mental Health Care Plan)' để rõ nghĩa.	Nhiều người dịch chung thành 'kế hoạch điều trị' hoặc 'đơn thuốc tâm lý', làm mất đi yếu tố đây là một loại giấy tờ cụ thể liên kết với Medicare.
Out-of-pocket	Dịch là 'chi phí tự trả' hoặc 'khoản tiền phải trả thêm từ túi riêng'.	Nhiều candidate dịch nhầm thành 'chi phí ngoài túi' theo kiểu dịch từng chữ, nghe không tự nhiên và không truyền đạt rõ ý là phần tiền bệnh nhân tự bỏ ra sau hỗ trợ.
Lifeline	Giữ nguyên tên riêng 'Lifeline' vì đây là tên tổ chức cụ thể, có thể thêm giải thích ngắn 'đường dây hỗ trợ khủng hoảng Lifeline' nếu cần.	Một số candidate dịch thành 'đường dây nóng' chung, làm mất đi việc đây là tên riêng của một tổ chức cụ thể tại Úc.
Emergency department	Dịch là 'khoa cấp cứu' hoặc 'phòng cấp cứu'.	Một số candidate dịch nhầm thành 'phòng khám cấp cứu' hoặc lẫn với 'trung tâm y tế khẩn cấp', làm mất đúng nghĩa là một khoa nằm trong bệnh viện.
Medical certificate	Dịch là 'giấy chứng nhận y tế' hoặc 'giấy xác nhận bệnh của bác sĩ'.	Một số người dịch thành 'đơn thuốc' hoặc 'giấy khám bệnh', làm sai chức năng vì đây là giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, không phải đơn thuốc hay kết quả khám.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Medicare card	Giữ nguyên là 'thẻ Medicare', không dịch thành 'thẻ bảo hiểm y tế' để tránh nhầm với bảo hiểm tư nhân.	Nhiều candidate dịch thành 'thẻ bảo hiểm sức khỏe', khiến người nghe hiểu nhầm là thẻ bảo hiểm tư nhân, không phải chương trình công của chính phủ.
Triple Zero	Nói là 'số không không không' hoặc giữ nguyên '000', không đọc là 'ba số không' vì cách gọi chính thức là lặp lại số 0 ba lần.	Nhiều candidate dịch là 'số ba không' (dịch sát nghĩa từ 'triple zero') khiến người nghe hiểu nhầm là số khác, mất điểm truyền đạt thông tin chính xác.
Gap fee	Dịch là 'phí chênh lệch' hoặc 'khoản chênh lệch phải trả thêm'.	Có người dịch thành 'phí khám bệnh' chung, làm mất ý nghĩa đây là phần còn thiếu sau khi đã được Medicare/bảo hiểm thanh toán một phần.
Referral letter	Dịch là 'thư giới thiệu' hoặc 'giấy chuyển viện/chuyển khoa'.	Có người dịch thành 'đơn thuốc' hoặc 'giấy khám bệnh', nhầm với các loại giấy tờ y tế khác; cần giữ đúng là thư chuyển tuyến từ GP.
Waiting list	Dịch là 'danh sách chờ'.	Có người dịch thành 'hàng chờ' một cách quá thông tục hoặc nhầm với 'waiting period' (thời gian chờ); cần phân biệt đây là danh sách, không phải khoảng thời gian.
Asthma action plan	Dịch là 'kế hoạch xử lý hen suyễn' hoặc 'kế hoạch hành động cho bệnh hen suyễn'.	Có người dịch thành 'đơn thuốc hen suyễn', làm mất ý nghĩa đây là kế hoạch hành động từng bước, không chỉ là đơn thuốc.
Extras cover	Dịch là 'bảo hiểm phụ trợ' hoặc 'gói bảo hiểm ngoài Medicare (extras cover)'.	Có người dịch thành 'bảo hiểm y tế toàn diện', gây hiểu sai vì extras cover chỉ bổ sung cho các dịch vụ không nằm trong Medicare, không thay thế bảo hiểm chính (hospital cover).
GP referral	Dịch là 'giấy giới thiệu của bác sĩ đa khoa' hoặc 'giấy chuyển khám của GP'. Có thể giữ 'GP' bằng tiếng Anh vì đây là thuật ngữ quen dùng.	Dịch nhầm thành 'đơn thuốc' hoặc 'giấy khám bệnh' làm mất chức năng chuyển tuyến — đây không phải là toa thuốc mà là giấy chuyển đến chuyên khoa.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Bulk bill	Dịch là 'tính phí trực tiếp qua Medicare' hoặc 'khám miễn phí qua Medicare (bulk bill)'. Có thể giữ 'bulk bill' kèm giải thích ngắn.	Dịch thành 'khám bệnh miễn phí' chung, làm mất bản chất là thanh toán qua Medicare — không phải mọi dịch vụ y tế đều miễn phí, chỉ khi phòng khám áp dụng bulk billing.
PBS	Giữ tên viết tắt "PBS" bằng tiếng Anh, có thể giải thích thêm "chương trình trợ giá thuốc theo đơn của chính phủ".	Có người dịch thành "bảo hiểm thuốc" hoặc nhầm với Medicare, làm mất đặc điểm PBS chỉ trợ giá thuốc, không phải bảo hiểm y tế nói chung.
Public hospital	Dịch là "bệnh viện công".	Có người dịch thành "bệnh viện nhà nước" nghe được nhưng dễ nhầm với ý "bệnh viện thuộc sở hữu quốc gia" theo nghĩa chính trị; nên dùng đúng "bệnh viện công" để khớp với hệ thống Medicare.
Private health cover	Dịch là "bảo hiểm y tế tư nhân".	Có người dịch nhầm thành "bảo hiểm sức khỏe cá nhân" hoặc lẫn với Medicare, làm mất phân biệt giữa hệ thống công (Medicare) và tư (private cover).
Advance care directive	Dịch là "chỉ thị chăm sóc y tế trước" hoặc "di nguyện y tế", có thể giữ nguyên tiếng Anh kèm giải thích ngắn.	Dịch thành "di chúc" (will) là sai vì văn bản này liên quan đến quyết định y tế khi còn sống, không liên quan đến phân chia tài sản sau khi chết.
Bulk billing	Dịch là "tính phí trực tiếp qua Medicare" hoặc giữ nguyên "bulk billing" kèm giải thích ngắn.	Dịch thành "khám bệnh miễn phí hoàn toàn" là sai vì bulk billing chỉ áp dụng khi bác sĩ chọn tính phí qua Medicare cho dịch vụ đó, không phải mọi dịch vụ y tế đều miễn phí.
Triage	Dịch là "phân loại mức độ ưu tiên cấp cứu" hoặc giữ từ "triage" kèm giải thích ngắn.	Nhiều người dịch thành "khám sàng lọc" chung, làm mất ý chính là sắp xếp thứ tự cấp cứu theo mức độ nguy hiểm, không phải khám bệnh thông thường.
Specialist referral	Dịch là "giấy chuyển khám chuyên khoa" hoặc giữ nguyên "referral".	Hay bị dịch nhầm thành "đơn thuốc" (prescription) — đây là giấy giới thiệu để đi khám, không phải giấy kê thuốc.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Pharmaceutical Benefits Scheme	Giữ nguyên tên viết tắt PBS bằng tiếng Anh, có thể giải thích thêm 'chương trình trợ giá thuốc theo đơn' nếu cần.	Có người dịch thành 'bảo hiểm y tế' chung hoặc nhầm với Medicare, làm mất đúng nghĩa là chương trình riêng trợ giá thuốc, không phải chi trả khám chữa bệnh.
Ambulance cover	Dịch là "bảo hiểm cứu thương" hoặc giữ nguyên "ambulance cover".	Nhiều candidate nghĩ Medicare tự động chi trả xe cứu thương nên bỏ qua khái niệm này — đây là một loại bảo hiểm bổ sung riêng, cần nói rõ.

Legal · 23

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Fair Trading	Giữ nguyên tên riêng 'Fair Trading' hoặc thêm giải thích 'cơ quan Fair Trading về bảo vệ người tiêu dùng'.	Một số candidate dịch thành 'thương mại công bằng' theo nghĩa đen, làm mất chức năng thực tế là một cơ quan quản lý nhà nước cụ thể.
Fair Work Commission	Giữ nguyên tên tiếng Anh 'Fair Work Commission', có thể thêm giải thích ngắn 'cơ quan xử lý tranh chấp lao động' nếu cần làm rõ.	Nhiều người dịch thành 'ủy ban công bằng lao động' hoặc 'tòa án lao động' một cách tự do, làm mất tên riêng của cơ quan cụ thể này và có thể gây nhầm với các cơ quan khác như Fair Work Ombudsman.
Event number	Dịch là 'số vụ việc' hoặc 'mã số báo cáo sự việc'.	Nhiều candidate dịch nhầm thành 'số sự kiện' theo nghĩa đen, khiến người nghe hiểu sai là số của một buổi lễ hay chương trình, không phải mã hồ sơ vụ việc.
Local Court	Dịch là 'tòa án địa phương'.	Nhiều người dịch thành 'tòa án khu vực' hoặc 'tòa sơ thẩm' không chính xác về cấp bậc; cần giữ đúng ý là tòa cấp thấp nhất, xử vụ nhỏ.
Light duties	Dịch là 'công việc nhẹ' hoặc 'nhiệm vụ nhẹ'.	Có người dịch thành 'nghỉ việc' hoặc 'giảm giờ làm', sai hoàn toàn vì light duties vẫn là đi làm bình thường nhưng làm việc nhẹ hơn, không phải nghỉ hay giảm giờ.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Legal Aid	Dịch là 'trợ giúp pháp lý' hoặc giữ tên 'Legal Aid' nếu nói đến tổ chức cụ thể (Legal Aid NSW, Legal Aid Queensland...).	Có người dịch thành 'luật sư miễn phí' hoặc 'tư vấn luật miễn phí', làm mất nghĩa rộng của dịch vụ này (bao gồm cả hỗ trợ tài chính cho vụ kiện, không chỉ tư vấn).
Family Court	Nói 'Tòa án Gia đình', đây là cách dịch chuẩn dùng trong hệ thống pháp lý Việt Nam để chỉ tòa xử các vụ gia đình.	Nhiều candidate dịch nhầm thành 'tòa án dân sự' chung, làm mất tính chuyên biệt của tòa này chỉ xử các vấn đề gia đình, không phải mọi vụ dân sự.
Federal Circuit	Nói 'Tòa án Liên bang cấp Circuit' hoặc giữ nguyên 'Federal Circuit Court', kèm giải thích ngắn 'tòa liên bang cấp dưới' nếu cần cho rõ nghĩa.	Candidate hay dịch gộp thành 'Tòa án Liên bang' mà không phân biệt với Federal Court, làm mất sự khác biệt cấp bậc giữa hai tòa án liên bang khác nhau.
Reference number	Nói 'số tham chiếu' hoặc 'mã số hồ sơ', đây là cách dịch chuẩn và thông dụng.	Nhiều candidate dịch nhầm thành 'số điện thoại' hoặc 'mã số thuế', làm sai hoàn toàn chức năng của con số này.
Police report	Dịch là 'báo cáo cảnh sát' hoặc 'biên bản cảnh sát'.	Có người dịch thành 'đơn tố cáo' hoặc 'đơn trình báo', nhầm giữa hành động trình báo và văn bản chính thức do cảnh sát lập ra sau đó.
Magistrate	Dịch là 'thẩm phán tòa sơ cấp' hoặc 'thẩm phán tòa án địa phương'. Có thể giữ thêm '(magistrate)' nếu muốn rõ ràng.	Nhiều người dịch thẳng thành 'quan tòa' hoặc 'chánh án', gây nhầm lẫn với thẩm phán tòa cấp cao hơn (judge) — làm sai cấp bậc tòa án trong câu chuyện.
Police check	Dịch là 'giấy kiểm tra lý lịch tư pháp (do cảnh sát cấp)' hoặc 'lý lịch tư pháp'. Có thể giữ thêm 'police check' nếu cần rõ nguồn gốc.	Dịch thành 'chứng minh nhân dân' hoặc 'giấy phép cảnh sát' là sai hoàn toàn bản chất — đây là giấy xác nhận lý lịch, không liên quan đến giấy tờ tùy thân hay giấy phép.
Statutory declaration	Dịch là "bản tuyên bố có tính pháp lý" hoặc "bản tuyên bố theo luật", có thể giữ nguyên "statutory declaration" kèm giải thích ngắn.	Dịch thành "đơn thề" hoặc nhầm với "affidavit" (lời khai có tuyên thệ trước tòa) là sai vì statutory declaration không cần tuyên thệ trước tòa, chỉ cần ký trước người có thẩm quyền chứng thực.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Apprehended violence order	Dịch là "lệnh cấm tiếp xúc/bảo vệ do tòa ban hành" (có thể giữ viết tắt AVO trong ngoặc nếu cần).	Có người dịch thành "lệnh bắt giữ" hoặc "lệnh cấm bạo lực" chung, làm mất tính chất pháp lý cụ thể là lệnh dân sự bảo vệ, không phải hình sự bắt giam.
Duty lawyer	Dịch là "luật sư trực (miễn phí tại tòa)".	Có người dịch thành "luật sư công" chung, gây nhầm với luật sư bào chữa dài hạn do nhà nước chỉ định, trong khi duty lawyer chỉ hỗ trợ tạm thời, ngắn hạn.
Infringement notice	Dịch là "thông báo phạt" hoặc "giấy phạt vi phạm".	Dịch thành "lệnh triệu tập" hoặc "cáo trạng" là sai vì đây chỉ là giấy phạt hành chính, không phải thủ tục tố tụng hình sự tại tòa.
Demerit points	Nên dịch là "điểm trừ trên bằng lái" hoặc giữ nguyên "demerit points".	Hay bị dịch nhầm thành "tiền phạt" — đây là điểm trừ trong hệ thống theo dõi, không phải số tiền phải nộp.
Good behaviour bond	Dịch là "cam kết giữ hạnh kiểm tốt" hoặc "lệnh cam kết hạnh kiểm".	Dịch thành "tiền đặt cọc" (nhầm với "bond" trong thuê nhà) là sai vì đây là một biện pháp xử lý pháp lý, không liên quan đến tiền thuê nhà.
Caution	Dịch là 'lời cảnh báo (quyền im lặng)' hoặc giải thích ngắn gọn 'cảnh sát nhắc nhở về quyền được giữ im lặng trước khi thẩm vấn'.	Nhiều thí sinh dịch 'caution' thành 'cảnh cáo' (như một hình thức xử phạt), làm sai lệch hoàn toàn ý nghĩa vì đây là quyền pháp lý, không phải hình phạt.
AVO	Nói tắt là 'lệnh cấm tiếp xúc/bảo vệ' hoặc giữ nguyên viết tắt AVO rồi giải thích ngắn gọn nếu cần, ví dụ 'lệnh AVO - lệnh bảo vệ chống bạo hành'.	Đừng dịch cứng là 'lệnh cấm bạo lực gia đình' (domestic violence order) vì AVO áp dụng rộng hơn, không chỉ trong gia đình - dịch sai phạm vi sẽ lệch nghĩa.
Justice of the Peace	Dịch là 'công chứng viên tình nguyện' hoặc giữ nguyên 'Justice of the Peace (JP)' kèm giải thích ngắn.	Không nên dịch thẳng thành 'thẩm phán hòa giải' hay 'quan tòa' - JP không phải là thẩm phán tòa án, dịch sai chức danh sẽ làm sai lệch hoàn toàn vai trò pháp lý của người này.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
On-the-spot fine	Dịch là 'phạt tại chỗ' — cụm này đã quen dùng và truyền đạt đúng ý.	Có người dịch thành 'phạt tù' hoặc 'phạt hành chính' chung, làm mất ý 'ngay tại chỗ, không qua xét xử' — đây là điểm cốt lõi của thuật ngữ.
Working with Children Check	Giữ nguyên tên tiếng Anh “Working With Children Check” vì đây là tên chính thức của một loại giấy phép/kiểm tra tại Úc, có thể thêm giải thích ngắn “kiểm tra lý lịch làm việc với trẻ em”.	Một số ứng viên dịch thành “kiểm tra lý lịch tư pháp” chung, làm mất tính chuyên biệt rằng đây là kiểm tra riêng cho công việc liên quan đến trẻ em, khác với lý lịch tư pháp thông thường (police check).

Consumer · 15

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Excess	Dịch là 'mức miễn thường' hoặc 'khoản tự chịu' trong hợp đồng bảo hiểm.	Nhiều người dịch thành 'phần dư' hoặc 'số tiền thừa' theo nghĩa đen của từ 'excess', làm sai hoàn toàn khái niệm tài chính trong bảo hiểm.
Australian Consumer Law	Dịch là 'Luật Bảo vệ Người tiêu dùng Úc' hoặc giữ tên 'Australian Consumer Law' kèm giải thích ngắn.	Có người dịch chung thành 'luật thương mại' hoặc 'luật tiêu dùng' mà không nói rõ đây là luật liên bang cụ thể của Úc, làm mất tính chính xác của thuật ngữ pháp lý.
NRMA Insurance	Giữ nguyên tên tiếng Anh 'NRMA Insurance' vì đây là danh từ riêng của một công ty cụ thể, không có từ tương đương tiếng Việt.	Một số candidate dịch chung thành 'bảo hiểm quốc gia' hoặc 'công ty bảo hiểm nhà nước', làm mất tính chính xác vì NRMA là công ty tư nhân, không phải cơ quan nhà nước.
Ombudsman	Nên giữ nguyên từ tiếng Anh 'ombudsman', có thể thêm giải thích ngắn 'cơ quan trung gian giải quyết khiếu nại' nếu cần làm rõ, vì tiếng Việt không có từ tương đương chính xác.	Nhiều người dịch nhầm thành 'thanh tra' hoặc 'trọng tài viên', nghe giống chức danh nhà nước có quyền xử phạt, trong khi ombudsman chỉ hòa giải/khuyến nghị, không có quyền cưỡng chế — dịch sai làm mất điểm ý nghĩa.
Private health insurance	Nói 'bảo hiểm y tế tư nhân', đây là cách dịch chuẩn và phổ biến.	Có candidate dịch nhầm thành 'Medicare' hoặc gộp chung với bảo hiểm y tế công, làm mất sự phân biệt quan trọng giữa hệ thống công (Medicare) và tư (private health insurance).

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Membership costs	Nói 'phí thành viên' hoặc 'chi phí thành viên', đây là cách dịch tự nhiên và phổ biến.	Một số candidate dịch nhầm thành 'phí đăng ký' (registration fee) khiến người nghe hiểu sai đây là phí một lần chứ không phải phí duy trì theo kỳ.
Financial hardship	Dịch là 'khó khăn tài chính' hoặc 'hoàn cảnh tài chính khó khăn'. Đây là cụm dịch nghĩa trực tiếp được.	Dịch quá nhẹ thành 'thiếu tiền' làm giảm tính nghiêm trọng của thuật ngữ pháp lý/tài chính này, trong khi 'financial hardship' thường là điều kiện chính thức để xin hỗ trợ hoặc miễn giảm nợ.
Afterpay	Giữ nguyên tên thương hiệu "Afterpay" hoặc dịch là "dịch vụ mua trước trả sau".	Dễ bị dịch nhầm thành "trả góp qua thẻ tín dụng" — sai vì Afterpay không phải thẻ tín dụng và thường không tính lãi suất như thẻ tín dụng.
Comprehensive insurance	Dịch là 'bảo hiểm toàn diện' hoặc 'bảo hiểm bao toàn bộ'.	Tránh dịch thành 'bảo hiểm bên thứ ba' (third party insurance) - đây là loại bảo hiểm thấp hơn, khác hẳn về phạm vi chi trả, nhầm sẽ sai hoàn toàn ý nghĩa.
Third party	Dịch là “bên thứ ba”. Đây là thuật ngữ pháp lý/tài chính phổ biến trong tiếng Việt nên dùng trực tiếp, không cần giải thích thêm.	Nhiều ứng viên dịch nhầm thành “người thứ ba” theo nghĩa đời thường (như trong quan hệ tình cảm) hoặc bỏ sót vai trò pháp lý của bên này, làm mất ý nghĩa hợp đồng/bảo hiểm.
ACCC	Giữ nguyên 'ACCC', có thể thêm giải thích ngắn 'cơ quan cạnh tranh và người tiêu dùng Úc' nếu ngữ cảnh cần.	Không nên dịch tự do thành 'cơ quan bảo vệ người tiêu dùng' đơn thuần vì bỏ mất phần chức năng giám sát cạnh tranh, làm sai phạm vi cơ quan này.
BPAY	Giữ nguyên từ tiếng Anh 'BPAY' vì đây là tên thương hiệu, không có từ tương đương tiếng Việt.	Một số thí sinh cố dịch thành 'chuyển khoản ngân hàng' chung chung, làm mất đặc điểm riêng của BPAY (là hệ thống thanh toán hóa đơn cụ thể, không phải chuyển khoản thông thường).
Cooling-off period	Dịch là 'thời gian cân nhắc' hoặc 'thời gian được phép hủy hợp đồng'.	Không nên dịch word-by-word thành 'thời gian làm nguội' - nghe vô nghĩa trong tiếng Việt và giám khảo sẽ không hiểu được truyền tải đúng thông tin hay chưa.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Direct debit	Dịch là “ghi nợ trực tiếp” hoặc giữ nguyên “direct debit” kèm giải thích ngắn “tự động trừ tiền từ tài khoản ngân hàng”.	Ứng viên thường dịch nhầm thành “chuyển tiền trực tiếp” hoặc “thanh toán trực tiếp”, làm mất yếu tố tự động và định kỳ – đây là điểm cốt lõi của direct debit.
Hardship arrangement	Không có từ tương đương cố định; nên diễn đạt là “thỏa thuận hỗ trợ khó khăn tài chính” hoặc “sắp xếp trả nợ khi gặp khó khăn tài chính”.	Nhiều ứng viên dịch cứng thành “thỏa thuận khó khăn”, nghe tối nghĩa và không truyền đạt được rằng đây là một chương trình hỗ trợ tài chính cụ thể do công ty cung cấp.

Employment · 14

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Fair Work	Giữ nguyên tên riêng 'Fair Work' hoặc dịch kèm giải thích 'cơ quan Fair Work về quan hệ lao động'.	Nhiều người dịch thành 'công việc công bằng' theo nghĩa đen, làm mất đi việc đây là tên một cơ quan chính phủ cụ thể, không phải một khái niệm chung.
Unfair dismissal	Dịch là 'sa thải không công bằng' hoặc 'bị đuổi việc trái pháp luật/không hợp lý'. Đây là cụm có thể dịch nghĩa trực tiếp, không cần giữ tiếng Anh.	Một số người dịch thành 'nghỉ việc' hoặc 'mất việc' chung, làm mất yếu tố pháp lý 'không công bằng/trái quy định' — đây chính là điểm cốt lõi cần truyền tải.
Superannuation	Dịch là 'quỹ hưu trí (superannuation)' hoặc gọi ngắn là 'super' như cách người Úc thường dùng, kèm giải thích 'quỹ hưu trí bắt buộc do công ty đóng'.	Dịch nhầm thành 'lương hưu nhà nước' hoặc 'bảo hiểm xã hội', làm mất bản chất đây là quỹ cá nhân do doanh nghiệp đóng góp, khác với hệ thống lương hưu công của chính phủ.
WorkCover	Giữ nguyên tên "WorkCover" bằng tiếng Anh, có thể thêm giải thích "bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động".	Có người dịch thành "bảo hiểm y tế công việc" hoặc "bảo hiểm thất nghiệp", nhầm với Centrelink, làm mất đúng bản chất là bồi thường do tai nạn/bệnh nghề nghiệp.
Enterprise agreement	Dịch là "thỏa ước lao động doanh nghiệp" hoặc giữ nguyên "enterprise agreement" kèm giải thích ngắn nếu cần.	Dịch thành "hợp đồng lao động cá nhân" là sai vì đây là thỏa thuận áp dụng cho tập thể nhân viên tại một doanh nghiệp, không phải hợp đồng riêng của từng cá nhân.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Payslip	Dịch là "phiếu lương".	Có người dịch thành "hóa đơn lương" hoặc "bảng lương công ty", gây hiểu lầm sang tài liệu kế toán nội bộ chứ không phải chứng từ cá nhân của người lao động.
Tax file number	Dịch là "mã số thuế cá nhân" hoặc giữ nguyên "tax file number" (viết tắt TFN).	Dịch thành "số bảo hiểm xã hội" là sai vì đây không phải là số an sinh xã hội mà chỉ dùng cho mục đích thuế.
Workers compensation	Dịch là "bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động" hoặc "bồi thường cho người lao động bị thương do công việc".	Dịch thành "trợ cấp thất nghiệp" là sai hoàn toàn vì đây là bồi thường do tai nạn/bệnh nghề nghiệp, không liên quan đến việc mất việc.
Penalty rates	Dịch là "phụ cấp lương ngoài giờ" hoặc giữ nguyên "penalty rates".	Rất dễ bị dịch nhầm thành "mức phạt" vì chữ "penalty", nhưng đây là tiền LƯƠNG TĂNG THÊM cho người lao động, không liên quan đến việc bị phạt.
Long service leave	Dịch là 'nghỉ phép thâm niên' hoặc 'phép thâm niên dài hạn'.	Không nên dịch thành 'nghỉ phép năm' (annual leave) vì đây là một loại phép khác, chỉ có sau nhiều năm làm việc, không phải phép thường niên.
Probation period	Dịch là 'thời gian thử việc'.	Ít khi sai nhưng cần tránh dịch thành 'thời gian tạm giam/quản chế' (nghĩa pháp lý khác của 'probation'), vì đây là ngữ cảnh việc làm.
Casual loading	Dịch là "phụ cấp làm việc thời vụ" hoặc giữ nguyên "casual loading".	Hay bị dịch nhầm thành "tiền làm thêm giờ" (overtime pay) — đây là phụ cấp gắn với TÍNH CHẤT công việc casual, không phải trả cho giờ làm thêm.
Super	Dịch là 'quỹ hưu trí' hoặc 'quỹ hưu bổng', có thể giữ 'super' nếu ngữ cảnh đã rõ.	Thí sinh hay dịch thành 'bảo hiểm xã hội', gây nhầm lẫn với hệ thống an sinh xã hội, trong khi super là quỹ hưu trí cá nhân riêng.
TFN	Giữ nguyên tên viết tắt TFN bằng tiếng Anh, có thể giải thích thêm 'mã số thuế cá nhân' nếu cần làm rõ.	Nhiều người dịch nhầm thành 'số bảo hiểm xã hội' hoặc 'mã số căn cước', làm sai chức năng vì TFN chỉ liên quan đến thuế, không phải danh tính hay bảo hiểm.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Waiting period	Dịch là 'thời gian chờ' hoặc 'giai đoạn chờ'.	Có người dịch nhầm thành 'thời hạn nộp đơn' hoặc 'kỳ hạn', làm sai nghĩa vì đây là thời gian chờ để được hưởng quyền lợi, không phải hạn nộp hồ sơ.
Concession card	Dịch là 'thẻ giảm giá/ưu đãi' hoặc giữ nguyên 'concession card' kèm giải thích ngắn 'thẻ ưu đãi của Centrelink'.	Nhiều người dịch chung thành 'thẻ y tế' hoặc nhầm với Medicare card — cần phân biệt rõ đây là thẻ ưu đãi phúc lợi, không phải thẻ bảo hiểm y tế.
myGov	Giữ nguyên tên riêng 'myGov' vì đây là tên chính thức của nền tảng.	Một số người dịch thành 'trang web chính phủ' chung, làm mất tên riêng cụ thể — cần giữ đúng 'myGov' để người nghe nhận diện đúng hệ thống.
Centrelink	Giữ nguyên tên riêng 'Centrelink' vì đây là danh từ riêng của cơ quan.	Một số người dịch thành 'sở lao động' hoặc 'phòng trợ cấp xã hội', làm mất tên riêng chính thức — cần giữ nguyên tên Centrelink theo yêu cầu đề bài.
JobSeeker	Giữ nguyên tên "JobSeeker" vì là tên chính thức của loại trợ cấp Centrelink.	Dịch thành "người tìm việc" theo nghĩa đen là sai vì đây là tên riêng của một loại trợ cấp, không phải danh từ chung chỉ người đang tìm việc.
Age Pension	Dịch là "lương hưu Age Pension" hoặc giữ tên chương trình "Age Pension".	Hay bị nhầm với "superannuation" (tiền hưu cá nhân tự tích lũy) — hai khoản này khác nhau hoàn toàn về nguồn và cách quản lý.
Carer Payment	Dịch là "trợ cấp người chăm sóc (Carer Payment)".	Dễ bị lẫn với "Carer Allowance" — đây là hai chương trình khác nhau, Carer Payment dành cho người không thể đi làm vì phải chăm sóc, mức hỗ trợ và điều kiện khác Carer Allowance.
Income test	Dịch là 'xét thu nhập' hoặc 'bài kiểm tra thu nhập' kèm giải thích ngắn 'để xác định mức trợ cấp'.	Thí sinh hay dịch thành 'kiểm tra thuế thu nhập', gây nhầm với cơ quan thuế (ATO) thay vì Centrelink.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Mutual obligation	Dịch là 'nghĩa vụ hai chiều' hoặc 'nghĩa vụ đối ứng' kèm giải thích 'nghĩa vụ người nhận trợ cấp phải thực hiện'.	Thí sinh thường bỏ qua yếu tố 'hai chiều/đối ứng' và dịch đơn giản là 'nghĩa vụ', làm mất đi ý nghĩa rằng đây là điều kiện ràng buộc để được nhận trợ cấp.
Healthcare card	Dịch là 'thẻ chăm sóc sức khỏe' hoặc 'thẻ ưu đãi y tế Centrelink'.	Tránh nhầm với thẻ Medicare (thẻ bảo hiểm y tế công của mọi công dân) - Healthcare Card là thẻ ưu đãi riêng cho người thu nhập thấp, hai thẻ có chức năng khác nhau.
Rent Assistance	Dịch là 'trợ cấp tiền thuê nhà'.	Thí sinh hay dịch thành 'trợ cấp nhà ở' chung chung, dễ nhầm với các chương trình nhà ở xã hội (housing assistance) khác, làm mất tính chính xác.
Assets test	Dịch là 'bài kiểm tra tài sản' hoặc 'xét duyệt tài sản', có thể thêm 'của Centrelink' cho rõ ngữ cảnh.	Nhiều thí sinh dịch nhầm thành 'kiểm tra thu nhập' (income test) - đây là hai bài test riêng biệt của Centrelink, nhầm lẫn sẽ mất điểm vì sai bản chất.
Carer Allowance	Giữ nguyên tên tiếng Anh "Carer Allowance" vì đây là tên chương trình cụ thể của Centrelink, có thể thêm giải thích ngắn "trợ cấp cho người chăm sóc" nếu cần làm rõ.	Một số ứng viên dịch chung thành "trợ cấp khuyết tật" hoặc nhầm với "Disability Support Pension", khiến giám khảo hiểu sai đây là lương hưu khuyết tật chứ không phải trợ cấp cho người chăm sóc.
Family Tax Benefit	Dịch là 'trợ cấp thuế gia đình' hoặc giữ nguyên 'Family Tax Benefit' kèm giải thích ngắn 'trợ cấp nuôi con của Centrelink'.	Không nên dịch chung chung thành 'trợ cấp trẻ em' (child benefit) - đây là tên chính thức của một chương trình cụ thể, cần giữ sát tên gọi để giám khảo nhận ra đúng khoản trợ cấp.

Community · 11

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Beyond Blue	Giữ nguyên tên tiếng Anh 'Beyond Blue' vì đây là tên riêng của một tổ chức, không dịch nghĩa.	Một số candidate cố dịch nghĩa đen thành 'Vượt Qua Màu Xanh' hoặc tương tự, điều này sai vì đây là tên riêng cần giữ nguyên, không phải một cụm từ miêu tả.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Palliative care	Nói 'chăm sóc giảm nhẹ' (hoặc 'chăm sóc cuối đời' nếu ngữ cảnh rõ là giai đoạn cuối), đây là thuật ngữ y tế chuẩn dùng tại Việt Nam.	Nhiều candidate dịch nhầm thành 'chăm sóc đặc biệt' (intensive care) hoặc 'điều trị', làm sai bản chất vì palliative care không nhằm chữa bệnh mà là giảm đau, hỗ trợ tinh thần.
Counselling sessions	Nói 'các buổi tư vấn tâm lý' hoặc 'các buổi tư vấn', tùy ngữ cảnh có thể thêm 'tâm lý' để rõ nghĩa.	Candidate hay dịch thành 'buổi khám bệnh' hoặc 'buổi trị liệu', làm lệch nghĩa vì counselling không nhất thiết là khám bệnh y khoa mà là hỗ trợ tư vấn.
My Aged Care	Giữ nguyên tên riêng "My Aged Care" bằng tiếng Anh, có thể thêm chú thích ngắn "dịch vụ chăm sóc người cao tuổi của chính phủ".	Nhiều người dịch thành "chăm sóc người già của tôi" theo nghĩa đen, khiến người nghe hiểu nhầm là dịch vụ cá nhân chứ không phải tên chương trình chính thức.
Respite	Dịch là "dịch vụ chăm sóc tạm thời" hoặc "chăm sóc thay thế ngắn hạn".	Nhiều người dịch thành "nghỉ ngơi" hoặc "nghỉ phép", làm mất nghĩa dịch vụ chăm sóc chuyên môn mà chỉ còn nghĩa nghỉ ngơi cá nhân.
TIS National	Giữ nguyên tên tiếng Anh "TIS National", có thể thêm giải thích ngắn "dịch vụ phiên dịch qua điện thoại quốc gia" nếu cần làm rõ.	Nhiều người dịch thành "dịch vụ thông tin quốc gia" vì hiểu nhầm TIS là "Information Service" thay vì "Interpreting Service", làm sai hoàn toàn chức năng của dịch vụ này.
Home care package	Dịch là "gói chăm sóc tại nhà", có thể kèm giữ tên tiếng Anh "Home Care Package".	Dễ bị nhầm thành "viện dưỡng lão" hoặc "nhà chăm sóc người già" (nursing home) — sai vì dịch vụ này diễn ra tại nhà riêng của người nhận, không phải cơ sở tập trung.
Aged care assessment	Dịch là 'đánh giá nhu cầu chăm sóc người cao tuổi'.	Thí sinh dễ nhầm với 'aged care' (dịch vụ chăm sóc) mà bỏ mất chữ 'assessment' (đánh giá), khiến người nghe hiểu nhầm đây là dịch vụ chứ không phải bước thẩm định điều kiện.
ACAT	Giữ nguyên 'ACAT' và giải thích ngắn 'đội đánh giá chăm sóc người cao tuổi' nếu cần làm rõ.	Không nên dịch chữ theo nghĩa đen thành 'nhóm hành động' hay bỏ qua không giải thích, vì người nghe cần biết đây là đơn vị đánh giá điều kiện chăm sóc, không phải tên chung chung.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Interpreter service	Dịch là “dịch vụ phiên dịch”. Nếu ngữ cảnh liên quan đến dịch vụ quốc gia thì có thể giữ tên riêng nếu được nêu (ví dụ TIS National), nhưng nếu chỉ nói chung thì dùng “dịch vụ phiên dịch”.	Ứng viên dễ dịch nhầm thành “dịch vụ dịch thuật” (translation service), làm lẫn giữa dịch nói (interpreting) và dịch viết (translation) – hai khái niệm khác nhau trong hệ thống dịch vụ công của Úc.
NDIS	Giữ nguyên tên viết tắt NDIS bằng tiếng Anh, có thể thêm giải thích ngắn 'chương trình bảo hiểm khuyết tật quốc gia' nếu cần làm rõ.	Nhiều người dịch thành 'bảo hiểm y tế' hoặc nhầm với Medicare, làm mất đúng bản chất là chương trình hỗ trợ khuyết tật, không phải bảo hiểm y tế thông thường.

Immigration · 10

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Online portal	Nói 'cổng thông tin trực tuyến' hoặc 'hệ thống trực tuyến', đây là cách dịch tự nhiên và dễ hiểu.	Một số candidate dịch cứng thành 'cửa trực tuyến' hoặc bỏ sót từ 'portal' và chỉ nói 'trang web', làm mất sắc thái hệ thống có đăng nhập, quản lý hồ sơ.
Home Affairs	Giữ nguyên tên tiếng Anh 'Home Affairs' hoặc nói 'Bộ Nội Vụ' nếu cần diễn giải, nhưng nên ưu tiên giữ tên gốc vì đây là danh từ riêng của cơ quan chính phủ.	Nhiều candidate dịch thành 'Bộ Ngoại giao' (Foreign Affairs) do nhầm lẫn hai bộ, đây là lỗi sai nghĩa hoàn toàn vì Home Affairs không phụ trách đối ngoại.
Services Australia	Giữ nguyên tên tiếng Anh 'Services Australia' vì đây là danh từ riêng của cơ quan chính phủ.	Candidate hay dịch nhầm thành 'Centrelink' vì nghĩ hai tên giống nhau, nhưng Services Australia là cơ quan mẹ quản lý cả Centrelink, Medicare và nhiều dịch vụ khác.
Bridging visa	Dịch là 'visa cầu nối' hoặc giữ nguyên 'bridging visa' kèm giải thích ngắn 'visa tạm thời trong khi chờ xét visa khác'.	Dịch nhầm thành 'visa tạm trú' chung hoặc 'visa du lịch', làm mất bản chất pháp lý là visa chuyển tiếp trong khi chờ kết quả — đây là điểm quan trọng về tình trạng di trú.
Citizenship test	Có thể giữ nguyên "citizenship test" hoặc dịch là "bài kiểm tra quốc tịch".	Nhiều người dịch nhầm thành "thi xin visa" hoặc "thi nhập cư", nhưng đây là bước sau khi đã đủ điều kiện thường trú, khác hoàn toàn với việc xin visa.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
NAATI	Giữ nguyên 'NAATI' bằng tiếng Anh, có thể thêm giải thích ngắn 'cơ quan cấp chứng chỉ phiên dịch/biên dịch quốc gia của Úc' nếu cần.	Không dịch NAATI thành tên cơ quan khác hay tự đặt tên tiếng Việt; đây là tên riêng phải giữ nguyên.
Partner visa	Giữ nguyên "partner visa" hoặc dịch là "visa bạn đời/diện vợ chồng".	Dịch thu hẹp thành "visa kết hôn" là sai vì partner visa cũng áp dụng cho người sống chung de facto chưa đăng ký kết hôn.
Permanent resident	Dịch là 'thường trú nhân' — đây là thuật ngữ chuẩn dùng trong hệ thống nhập cư Việt Nam.	Nhiều người dịch nhầm thành 'công dân' (citizen), làm sai hoàn toàn tình trạng pháp lý vì quyền lợi và nghĩa vụ khác nhau.
Skills assessment	Dịch là 'đánh giá tay nghề' hoặc 'thẩm định kỹ năng nghề nghiệp'.	Không nên dịch thành 'kiểm tra kỹ năng' chung chung như một bài test thông thường, vì đây là một quy trình thẩm định chính thức phục vụ hồ sơ di trú.
Visa condition	Dịch là 'điều kiện visa' — cách dịch trực tiếp và chính xác.	Có người dịch thành 'quy định nhập cư' chung, làm mất ý đây là điều kiện ràng buộc riêng theo từng visa cụ thể, không phải luật nhập cư tổng quát.

Education · 9

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
TAFE	Giữ nguyên tên "TAFE" bằng tiếng Anh.	Có người dịch thành "trường đại học" hoặc "trường trung cấp", làm lệch cấp học vì TAFE là hệ thống riêng, không tương đương đại học hay trung học.
Public school	Dịch là "trường công lập" hoặc "trường công".	Có người dịch thành "trường nhà nước" nghe hơi cứng hoặc lẫn với "trường quốc lập" ở một số nước khác, dễ gây hiểu sai hệ thống giáo dục Úc.
VET	Giữ nguyên "VET" hoặc dịch là "giáo dục nghề".	Do đồng âm, candidate thường dịch thành "bác sĩ thú y" (veterinarian) — hoàn toàn sai nghĩa trong ngữ cảnh giáo dục.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
NAPLAN	Giữ nguyên viết tắt 'NAPLAN' vì đây là tên chương trình đánh giá quốc gia, có thể thêm giải thích ngắn 'bài kiểm tra năng lực toàn quốc'.	Không nên dịch thành 'kỳ thi tốt nghiệp' hay 'thi chuyển cấp' - NAPLAN chỉ là bài đánh giá năng lực định kỳ, không phải kỳ thi quyết định lên lớp hay tốt nghiệp.
Prep	Dịch là 'lớp mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1' hoặc giữ nguyên 'lớp Prep' nếu ngữ cảnh cho phép, vì không có lớp tương đương chính xác trong hệ thống Việt Nam.	Nhiều người dịch thành 'mẫu giáo' (kindergarten) thông thường, nhưng Prep là năm học chính thức đầu tiên trong hệ thống trường tiểu học Úc, khác với mẫu giáo trước đó.
HSC	Giữ nguyên viết tắt 'HSC' hoặc dịch là 'bằng tốt nghiệp trung học phổ thông bang NSW'.	Không nên dịch chung chung thành 'tốt nghiệp cấp 3' vì mỗi bang ở Úc có tên kỳ thi khác nhau (VCE ở Victoria, QCE ở Queensland...) - dịch mất tên riêng sẽ không chính xác về mặt thông tin thi cử.
Kindergarten	Dịch là 'lớp Mẫu giáo (năm đầu tiểu học)' hoặc giữ nguyên 'Kindergarten' kèm chú thích ngắn 'lớp đầu cấp tiểu học' tùy ngữ cảnh bang.	Lỗi rất phổ biến: dịch thẳng thành 'mẫu giáo' như nghĩa thông thường - nhưng ở NSW, Kindergarten là năm học chính thức đầu tiên của tiểu học, không phải bậc mầm non trước đó.
Scholarship	Dịch là 'học bổng' — thuật ngữ này hoàn toàn tương đương.	Không có lỗi thường gặp lớn, nhưng cần tránh dịch thành 'trợ cấp' (allowance) chung, vì học bổng gắn với thành tích hoặc tiêu chí xét chọn cụ thể.
Year 12	Dịch là 'lớp 12' — tương đương với hệ thống giáo dục Việt Nam.	Không nhiều lỗi lớn, nhưng cần tránh dịch thành 'tốt nghiệp trung học' chung mà không nêu rõ đây là lớp học cụ thể, vì ngữ cảnh thi có thể cần nói rõ 'năm học lớp 12'.

Housing · 4

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Bond	Dịch là "tiền đặt cọc thuê nhà" hoặc giữ nguyên "bond" kèm giải thích ngắn.	Dịch thành "tiền bảo lãnh" hoặc "tiền phạt" là sai vì bond không phải là hình phạt, mà là tiền đảm bảo được hoàn trả.

Australian term	How to render it in Vietnamese	Where marks are lost
Lease agreement	Dịch là "hợp đồng thuê nhà" hoặc "hợp đồng thuê".	Dịch thành "giấy chứng nhận sở hữu nhà" là sai vì đây chỉ là hợp đồng thuê, không liên quan đến quyền sở hữu tài sản.
Council rates	Dịch là 'thuế hội đồng' hoặc 'phí hội đồng địa phương'.	Đừng dịch thành 'thuế bất động sản' (property tax) hay 'thuế đất' chung chung - dễ gây nhầm với các loại thuế nhà đất khác của tiểu bang, sai bản chất khoản phí này.
Public housing	Dịch là 'nhà ở xã hội' hoặc 'nhà ở công' — cách nói phổ biến và dễ hiểu.	Có người dịch thành 'nhà thuê tư nhân' hoặc 'nhà giá rẻ' chung, làm mất ý đây là nhà do chính phủ quản lý và cấp theo tiêu chí đủ điều kiện.

naaticcl.com is an independent exam-practice platform, not affiliated with or endorsed by NAATI. These renderings are study aids written for CCL practice, not official translations. Language policy: always check naati.com.au. You may print and share this list unchanged.